

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST
Ngày: 21-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý
Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: 5 V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: A20-16, đường số A, khu dân cư N, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Theo giấy ủy quyền ngày 12/12/2022.

- Bị đơn: 1. Ông Hồng C (vắng mặt).

2. Bà Tiêu Thị X (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2022 của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ngày 01/02/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T có ký với bị đơn ông Hồng C và bà Tiêu Thị X hợp đồng mua bán lúa, theo nội dung thỏa thuận ông C, bà X đồng ý bán cho ông T số lượng lúa ước tính 26 tấn loại lúa Đài Thơm 8, giá mua bán đến thời điểm thu hoạch đôi bên sẽ thỏa thuận, trước thời điểm thu hoạch bên bán có nghĩa vụ thông báo cho bên mua từ 10 đến 15 ngày để bên mua kết hợp thăm đồng, kiểm tra chất lượng lúa đồng thời thỏa thuận giá. Ông T đã đặt cọc cho ông C, bà X số tiền 17.920.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến ngày thu hoạch lúa bị đơn không thông báo cho ông T mà tự ý bán cho người khác. Sau đó ông T đã nhiều lần liên hệ với bị đơn nhưng không được.

Ngày 22/6/2021 ông T làm đơn tố cáo người cò lúa là ông Trần Phước N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Công an không khởi tố do không có dấu hiệu hình sự nên chuyển vụ việc sang dân sự.

Ngày 19/01/2022 Công an xã T lập biên bản thỏa thuận giữa các bên, bị đơn có tham gia buổi làm việc và có làm tờ cam kết trả lại cọc nhưng đến nay không thực hiện theo cam kết.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà X trả số tiền còn nợ tính đến ngày 19/12/2022 là 19.600.000 đồng, trong đó nợ vốn (tiền cọc) 17.920.000 đồng và tiền lãi 1.680.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu bà Tiêu Thị X có nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu ông Hồng C trả số tiền 17.920.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/3/2023, bị đơn ông Hồng C trình bày:

Ngày 01/02/2021 ông có ký hợp đồng mua bán lúa với ông T thông qua người đại diện cò lúa là ông N, ông đã được Tòa án cho xem hợp đồng mua bán lúa phía nguyên đơn cung cấp và thừa nhận chữ ký và chữ viết Hồng C dưới mục người bán là do ông ký và viết. Hiện nay ông còn nợ lại tiền cọc của ông T là 17.920.000 đồng. Ông T có thừa ông tại Công an xã T, huyện T, tại đây ông có thỏa thuận trả dần cho ông T làm 04 lần, giấy cam kết trả nợ mà Tòa án cho ông xem đúng là của ông, nhưng đến nay ông chưa trả đồng nào, lý do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, mẹ ruột thường xuyên đau yếu. Nay ông T khởi kiện ông cũng đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông T nhưng xin được trả dần, nợ nần một mình ông đứng ra trả, mẹ ông bà Tiêu Thị X hiện nay đau yếu không đi lại được, không có thu nhập nên đề

ngợi không mời mẹ ông. Số tiền nợ xin trả theo vụ lúa, mỗi năm 03 vụ, trả trong 01 năm là dứt nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2023, bị đơn bà Tiêu Thị X trình bày:

Bà là mẹ ruột ông Hồng C. Việc ông C thỏa thuận mua bán lúa, đặt cọc thế nào bà không biết, bà không có nhận tiền, nhận lúa gì từ ông T, bà không có liên quan gì việc tranh chấp giữa ông T và ông C nên không đồng ý toàn bộ nội dung nguyên đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút. Buộc bị đơn ông Hồng C trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 17.920.000 đồng, án phí buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Hồng C, bà Tiêu Thị X. Xét thấy, phiên tòa đã mở lần hai, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu bị đơn bà Tiêu Thị X có nghĩa vụ trả nợ. Xét yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[2] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông C trả tiền mua lúa còn nợ 17.920.000 đồng, quá trình Tòa án làm việc bị đơn ông C thừa nhận số nợ trên. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do các đương sự đều thừa nhận. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hồng C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T số tiền mua lúa còn nợ 17.920.000 đồng.

[3] Về thời gian trả nợ: Bị đơn ông Hồng C xin trả dần số tiền còn nợ theo vụ lúa, mỗi năm 03 vụ, trả trong một năm thì dứt nợ nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T. Buộc bị đơn ông Hồng C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T số tiền còn nợ 17.920.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T đã rút về việc không tính lãi và không yêu cầu bị đơn bà Tiêu Thị X có nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Hồng C phải nộp án phí số tiền 896.000 đồng (tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc T tiền tạm ứng án phí đã nộp 490.000 đồng (bốn trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002873 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết

bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp